TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/KDTM-ST
Ngày 29-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, về san lấp mặt bằng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;
Ông Phù Văn Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-KDTM ngày 29 tháng 02 năm 2016 "Tranh chấp hợp đồng thi công san lấp mặt bằng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N. Trụ sở chính: số 090/4, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T – Chủ tịch kiêm Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966 – Phó giám đốc, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N. Cư trú tại 54/1A, Đông Hồ, khóm T, phường M, TP. L, tỉnh A theo giấy ủy quyền ngày 29/02/2016.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ K. Trụ sở chính: tổ 7, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Huỳnh Thanh T1 – Chủ tịch kiêm Giám đốc, vắng mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ K: Ông Huỳnh Thanh T1 – Chủ tịch kiêm

Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ K; Bà Hà Thị Mỹ P, Thành viên góp vốn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ K, đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Lý Thị Kim N, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A, vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966, HKTT: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh A. Nơi cư trú cuối cùng: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 02 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ trình bày*: Ngày 15 tháng 01 năm 2014, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N (viết tắt Công ty TNHH MTV N, sau đây gọi tắt là Công ty N) có ký hợp đồng thuê bơm cát, san lắp mặt bằng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại & Dịch vụ K (viết tắt Công ty TNHH SX TM & DV K, sau đây gọi tắt là Công ty K). Nội dung thỏa thuận bơm cát số lượng 55.000 m^3, đơn giá: 56.000 đồng/m^3, do ông Nguyễn Văn H đại diện Công ty K ký kết. Theo đó, để đảm bảo thực hiện việc san lắp mặt bằng đúng tiến độ, Công ty N ký thỏa thuận đặt cọc thực hiện hợp đồng, không đề ngày cho Công ty K, số tiền 300.000.000 đồng, do ông Nguyễn Văn H nhận tiền.

Tiến trình thực hiện chia thành 3 giai đoạn: Công ty N đã hoàn thành thực hiện san lắp mặt bằng cho Công ty K xong giai đoạn 1 từ ngày 15 tháng 01 năm 2014 đến ngày 25 tháng 4 năm 2014, được 15.000 m^3, bằng tiền 15.000 m^3 x 56.000 đồng = 840.000.000 đồng. Đến nay, đã ngưng không thực hiện nữa, do phía Công ty K không thanh toán tiền theo cam kết. Do chưa hoàn thành hạng mục, nên cả hai công ty chưa bàn giao nghiệm thu công trình.

Từ ngày 14 tháng 12 năm 2014 đến ngày 14 tháng 7 năm 2015, Công ty K có trả được 70.000.000 đồng. Đến ngày 27 tháng 7 năm 2015 bà Lý Thị Kim N có lập biên nhận đối chiếu công nợ với ông Nguyễn Ngọc T, là Giám đốc - Công ty N, tổng cộng 1.070.000.000 đồng, gồm: tiền nợ san lắp mặt bằng 770.000.000 đồng và 300.000.000 đồng nhận cọc.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty K phải thanh toán ngay nợ còn lại 1.070.000.000 đồng và mức lãi suất 0,5%/tháng từ ngày 27 tháng 7 năm 2015 đến xét xử.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên không có ý kiến trình bày, đều vắng mặt.*

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy đinh tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên bị đơn; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73, 74 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng giao khoán số 01/HĐGK/2014 ngày 15 tháng 01 năm 2014 được ký kết giữa Công ty N với Công ty K, mục đích để bơm cát san lấp mặt bằng, công trình nhà máy xay xát lúa gạo tại tổ 7, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A. Kèm theo hợp đồng các bên có thỏa thuận Công ty N đặt cọc 300.000.000 đồng cho Công ty K thực hiện hợp đồng. Việc thỏa thuận ký kết hợp đồng này, trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận và đúng quy định pháp luật, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Việc Công ty K đã chuyển nhượng cổ phần cho ông Huỳnh Thanh T1, bà Hà Thị Mỹ P vào ngày 27 tháng 9 năm 2017, thì tại Điều 3 của hợp đồng có quy định về trách nhiệm kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Công ty K. Do đó, ông T1 và bà P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty K.

Từ chứng cứ kết luận giám định số 624/KLGĐ-PC45 ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, với lời khai của nguyên đơn, thấy rằng hợp đồng giao khoán 01/HĐGK/2014 ngày 15 tháng 01 năm 2014 được thực hiện do người đại diện pháp luật của Công ty K ký kết, nhưng biên nhận ngày 27 tháng 7 năm 2015 do bà N xác định với tư cách là thành viên Công ty K. Như vậy, có cơ sở xác định Công ty K còn nợ Công ty N tiền san lấp mặt bằng là 1.070.000.000 đồng. Nên Công ty N yêu cầu Công ty K trả nợ 1.070.000.000 đồng và tiền lãi suất 0,5%/tháng từ ngày 27 tháng 7 năm 2015 là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn, người kế thừa quyền nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về xác định người đại diện theo pháp luật và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án, theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Lý Thị Kim N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H, ông Huỳnh Thanh T1 và bà Hà Thị Mỹ P. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, có quyết định số 11/2017/QĐ-CCTLCC, ngày 02 tháng 10 năm 2017 và Quyết định số 29/2018/QĐ-CCTLCC, ngày 26 tháng 6 năm 2018, đề nghị Sở kế hoạch đầu tư tỉnh An Giang cung cấp các tài liệu, trong đó có yêu cầu cung cấp Điều lệ hoạt động của Công ty TNHH SX TM & DV K, để xác định người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, các tài liệu do sở kế hoạch đầu tư tỉnh An Giang cung cấp, điều lệ hoạt động của Công ty K không ngày tháng 12 năm 2013, người đại diện theo pháp luật là bà Lý Thị Kim N. Nên ngày 15 tháng 8 năm 2018 Tòa án huyện Tịnh Biên, có công văn số 161/CV.TA yêu cầu cung cấp bổ sung tài liệu "Điều lệ của Công ty K ngày 12 tháng 11 năm 2013", tại Điều 7 của điều lệ người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn H. Đến ngày 28 tháng 9 năm 2017 Công ty TNHH SX TM & DV K đã chuyển nhượng phần vốn góp được sở kế hoạch đầu tư tỉnh An Giang cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6, ngày 28 tháng 9 năm 2017, người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Thanh T1. Do đó, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định lại tư cách đương sự trong vụ án, như sau:

Bị đơn: Công ty TNHH SX TM & DV K, đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Thanh T1.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty TNHH SX TM & DV K: Ông Huỳnh Thanh T1; Bà Hà Thị Mỹ P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lý Thị Kim N; Ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH MTV N có đơn khởi kiện Công ty TNHH SX TM & DV K về việc "tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, về san lấp mặt bằng", đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn là Công ty TNHH SX TM & DV K, có trụ sở tại: tổ 7, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Bị đơn Công ty TNHH SX TM & DV K, người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Thanh T1 và người kế thừa quyền nghĩa vụ của Công ty K: ông Huỳnh Thanh T1, bà Hà Thị Mỹ P đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng giao khoán số 01/HĐGK/2014 ngày 15 tháng 01 năm 2014 được ký kết giữa Công ty N với Công ty K, mục đích để bơm cát san lắp mặt bằng, công trình nhà máy xay xát lúa gạo tại tổ 7, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A. Hai bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng về khối lượng, đơn giá và thời gian thi công, trách nhiệm của mỗi bên và thỏa thuận thanh toán: "sau khi Công ty N bơm cát tương đương khối lượng 10.000 m^3, thì Công ty N phải thanh toán". Đồng thời, kèm theo thỏa thuận đặt cọc thực hiện hợp đồng, theo đó Công ty N giao tiền cọc 300.000.000 đồng cho Công ty K, mục đích cam kết thực hiện hợp đồng, "khi Công ty N san lấp 4.000 m^3 thì Công ty K phải hoàn lại tiền cọc". Việc ký kết hợp đồng và thỏa thuận này trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận, được lập thành văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết là ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Ngọc T. Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 3, khoản 2 Điều 107 và Điều 108 Luật xây dựng năm 2003, thì giao dịch này tuân thủ về mặt hình thức và nội dung phù hợp quy định, nên sự thỏa thuận này là hợp pháp. Mặt khác, tại thời điểm xét xử cổ phần của ông Nguyễn Văn H và bà Lý Thị Kim N đã chuyển nhượng, theo hợp đồng chuyển nhượng số 6/KN/HĐCN và số 7/KN/HĐCN, cùng ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Điều 3 có ghi ".....có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ với tư cách thành viên góp vốn của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ K.....". Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì ông Huỳnh Thanh T1 và bà Hà Thị Mỹ P là chủ sở hữu mới kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty TNHH SX TM & DV K.

Về nội dung thực hiện hợp đồng giao khoán san lắp mặt bằng chia làm 3 giai đoạn: Công ty N thực hiện xong giai đoạn 1 từ ngày 15 tháng 01 năm 2014 đến ngày 25 tháng 4 năm 2014, san lắp công trình được khối lượng 15.000 m^3, bằng tiền 15.000 m^3 x 56.000 đồng = 840.000.000 đồng. Tuy nhiên, cả hai công ty chưa bàn giao nghiệm thu công trình, do công trình chưa hoàn thành và Công ty K chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng ký kết.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Tòa án, thì đối với hiện trạng san lắp được xác định vị trí san lắp thuộc đất nông nghiệp có diện tích 18.463,5 m^2 tại tổ 7, ấp A, xã A, huyện T, có đê

bao ngang 1,2 m vòng ngoài diện tích, bên trong bơm cát, chiều cao lên từ mặt đất 2 m. Tuy các bên không thực hiện bàn giao nghiệm thu công trình, nhưng 27 tháng 7 năm 2015 bà Lý Thị Kim N, có lập "Biên nhận ghi ngày 27.07.2015", với nội dung: ".....nợ tiền thổi cát của anh Nguyễn Ngọc T số tiền là: 770.000.000 đ và 300.000.000 đ tiền cọc....". Như vậy, bà N đã thừa nhận việc Công ty N đã san lấp mặt bằng bơm cát cho Công ty K hết giai đoạn 1. Theo kết luận giám định số 624/KLGT-PC45 ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận: *Chữ ký mang tên Lý Thị Kim N trên "Biên nhận", ngày 27/07/2015 (ký hiệu: A1) so với chữ ký của Lý Thị Kim N trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 – M4) do cùng một người ký ra.* Tuy hợp đồng giao khoán số 01/HĐGK/2014 ngày 15 tháng 01 năm 2014 được ký kết thực hiện giữa Công ty N với Công ty K, nhưng biên nhận do bà N xác định tại thời điểm này với tư cách là thành viên công ty, như vậy các chứng cứ này phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Từ đó có cơ sở xác định Công ty K còn nợ tiền thi công san lấp mặt bằng là 770.000.000 đồng và tiền cọc 300.000.000 đồng, tổng cộng 1.070.000.000 đồng, nên việc Công ty N khởi kiện là có căn cứ.

Theo quy định điều 306 Luật thương mại 2005, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn bằng 0,5%/tháng từ ngày 27 tháng 7 năm 2015 đến ngày 29 tháng 11 năm 2018 (ngày xét xử) là 40 tháng 2 ngày. Yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi được tính: 1.070.000.000 đ x 0,5%/tháng x 40 tháng 2 ngày = 214.357.000 đồng. Buộc Công ty K có trách nhiệm trả cho Công ty N số tiền nợ san lấp mặt bằng là 770.000.000 đồng và tiền cọc 300.000.000 đồng và tiền lãi 214.357.000 đồng, tổng cộng 1.284.357.000 đồng.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định; Nguyên đơn không phải chịu án phí. Được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 4, Điều 3; Khoản 2 Điều 107; Điều 108; Khoản 3 Điều 110 Luật xây dựng năm 2003.

- Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ K.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ K *(Đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Thanh T1 – Chủ tịch kiêm giám đốc)* và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T1 và bà Hà Thị Mỹ P có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N *(Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc T- Chủ tịch kiêm giám đốc)* số tiền nợ san lấp mặt bằng là 770.000.000 đồng và tiền cọc 300.000.000 đồng và tiền lãi 214.357.000 đồng, tổng cộng 1.284.357.000 đồng *(một tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng)*.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ K *(người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Thanh T1)* và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T1 và bà Hà Thị Mỹ P phải chịu 50.530.000 đồng *(năm mươi triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng)* tiền án phí.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N *(Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc T)* tiền tạm ứng án phí 22.050.000 đồng *(hai mươi hai triệu, lẻ năm mươi ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0006443 ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- THS DS h. Tịnh Biên;
- Lưu HS & VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ